

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2011/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2011***NGHỊ ĐỊNH****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 04 tháng 8 năm 2007;

Xét đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2007/NĐ-CP)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Kê khai tài sản, thu nhập” là việc người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ các loại tài sản, thu nhập phải kê khai theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này;

2. “Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu” là việc người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai lần đầu tiên theo định kỳ hàng năm mà chưa kê khai lần nào theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng;

3. “Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung” là việc người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai hàng năm từ lần thứ hai trở đi;

4. “Tài sản, thu nhập phải kê khai” là nhà ở, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ năm mươi triệu đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài tương đương từ năm mươi triệu đồng trở lên; tổng thu nhập thực tế trong kỳ kê khai;

5. “Biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai” là sự tăng, giảm tài sản, thu nhập phải kê khai so với lần kê khai gần nhất”;

6. “Xác minh tài sản, thu nhập” là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tiến hành xem xét, đánh giá, kết luận về tình trung thực của việc kê khai tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 37/2007/NĐ-CP và Nghị định này;

7. “Cơ quan, tổ chức, đơn vị” bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước”.

2. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Nguyên tắc kê khai tài sản, thu nhập

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm tự kê khai theo các thông tin quy định tại Mẫu ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, sự trung thực, đầy đủ đối với nội dung kê khai.

2. Việc kê khai lần đầu theo định kỳ hàng năm được thực hiện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Việc kê khai bổ sung theo định kỳ hàng năm khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập được thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

Việc kê khai bổ sung theo định kỳ hàng năm chỉ thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động tổng thu nhập trong kỳ kê khai từ 50 triệu đồng trở lên hoặc khi có biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai theo quy định.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Quản lý, sử dụng và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

1. Bản kê khai tài sản, thu nhập được quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ cán bộ và chỉ được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Phục vụ cho việc bầu cử, bổ nhiệm, cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập;

b) Phục vụ cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền trong việc thẩm tra, xác minh, kết luận về hành vi tham nhũng;

c) Phục vụ công tác khác liên quan đến tổ chức, cán bộ.

2. Khi người kê khai được điều động, chuyển sang cơ quan, tổ chức khác thì bản kê khai tài sản, thu nhập của người đó phải được chuyển giao cùng với hồ sơ cán bộ cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

3. Khi người kê khai nghỉ hưu, thôi việc thì bản kê khai tài sản, thu nhập của người đó được lưu giữ cùng với hồ sơ cán bộ.

4. Bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên được quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định của Đảng.

5. Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai được thực hiện như sau:

a) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình thường xuyên làm việc.

Căn cứ vào đặc điểm, tình hình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức quyết định công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp hoặc niêm yết bản kê khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thời điểm công khai được thực hiện từ ngày 31 tháng 12 đến ngày 31 tháng 3 của năm sau, nhưng phải đảm bảo thời gian công khai tối thiểu là 30 ngày;

b) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải công khai tại hội nghị cử tri nơi công tác, nơi cư trú của người đó. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Hội đồng bầu cử, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

c) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân;

d) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì ngoài việc thực hiện công khai bản kê khai được quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai bản kê khai do tổ chức đó quy định”.

4. Sửa đổi Điều 16 về căn cứ yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập như sau:

“Điều 16. Căn cứ yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập

Việc yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện khi có một trong những căn cứ sau đây:

1. Khi có kết luận của cơ quan Kiểm tra Đảng, cơ quan Thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra về trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập liên quan đến hành vi tham nhũng.

2. Khi có tố cáo hoặc phản ánh về vấn đề tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập mà tố cáo, phản ánh đó có nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có căn cứ để xác minh về sự không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và người tố cáo, phản ánh nêu rõ họ, tên, địa chỉ, cam kết hợp tác đầy đủ, cung cấp tài liệu mà mình có cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

3. Khi thấy cần có thêm thông tin phục vụ cho việc bầu cử, bổ nhiệm, cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập”.

5. Sửa đổi Điều 19 về việc ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập như sau:

“Điều 19. Việc ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có văn bản yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này và Điều 17 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP;

b) Khi có văn bản yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan thường vụ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ cho việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội, Hội đồng nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội bầu, phê chuẩn;

c) Khi có một trong các căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này để phục vụ cho việc bổ nhiệm, cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai;

d) Khi người có nghĩa vụ kê khai có hành vi tham nhũng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc xác minh tài sản, thu nhập đối với người có hành vi tham nhũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự được thực hiện theo pháp luật về tố tụng hình sự”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Xử lý kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực

1. Đối với cán bộ bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức.

2. Đối với công chức bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức;
- đ) Cách chức.

3. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày có kết luận về sự kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật đối với người kê khai không trung thực.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

5. Việc xử lý kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

6. Quyết định kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực phải được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc; thời hạn công khai ít nhất là ba tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật được ban hành”.

7. Bổ sung Điều 33a vào sau Điều 33 như sau:

“Điều 33a. Xử lý kỷ luật đối với hành vi chậm kê khai, chậm tổ chức việc kê khai và chậm tổng hợp báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập

1. Người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có cán bộ thuộc đối tượng phải kê khai mà tổ chức việc kê khai chậm so với quy định của pháp luật; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập mà kê khai chậm so với thời hạn kê khai do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị quy định; người có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập mà thực hiện chậm so với quy định về thời hạn tổng hợp, báo cáo do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị quy định thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương.

2. Thảm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị chậm tổ chức việc kê khai; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập mà kê khai chậm; người có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập mà thực hiện chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức”.

8. Bổ sung Điều 35a vào sau Điều 35 như sau:

Điều 35a. Giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thực hiện pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Khi cần thiết, cơ quan nhà nước có trách nhiệm mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm cung cấp thông tin, cử người tham gia khi được yêu cầu.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tiếp nhận các ý kiến phản ánh của nhân dân, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý hành vi không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập.

4. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu bất minh về tài sản, thu nhập thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xem xét, giải quyết